

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Công Tào	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Long	Thành viên
Ông Đặng Xuân Thọ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Thành	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2008)
Ông Đặng Xuân Thọ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2008)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính từng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả nhằm mục đích lập báo cáo tài chính một cách đúng đắn từ đó làm giảm đến mức tối thiểu những sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Hữu Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cosô của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở các Ghi chú số 2 và 3 của phần Ghi chú báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên Tổng Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.

Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc, kiêm Phó Giám đốc
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Chí Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã Số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		734.335.706.072	945.186.489.995
I. Tiền	110		11.434.831.308	36.157.390.834
1. Tiền	111	4	11.434.831.308	36.157.390.834
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.962.389.882	16.518.537.059
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17.641.827.882	16.518.537.059
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.679.438.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		706.135.558.056	375.743.000.474
1. Phải thu khách hàng	131		9.722.267.070	217.693.112.312
2. Trả trước cho người bán	132		15.805.510.076	101.578.044.213
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		675.730.096.644	-
4. Các khoản phải thu khác	135		4.949.958.717	56.594.288.266
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(72.274.451)	(122.444.317)
IV. Hàng tồn kho	140	6	522.944.211	480.791.252.227
1. Hàng tồn kho	141		692.734.048	480.961.042.064
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(169.789.837)	(169.789.837)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.279.982.615	35.976.309.401
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.537.736	1.166.298.164
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.022.016.114	33.280.566.203
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		90.719.765	163.643.702
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		113.709.000	1.365.801.332
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		450.268.869.850	247.956.874.737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.447.168.672	1.444.494.394
1. Phải thu dài hạn khác	218		1.447.168.672	1.444.494.394
II. Tài sản cố định	220		206.908.858.985	192.255.591.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	15.961.880.528	58.329.584.735
- Nguyên giá	222		45.347.484.129	144.390.667.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.385.603.601)	(86.061.083.063)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	98.401.552.738	102.607.178.451
- Nguyên giá	228		98.469.316.269	103.259.774.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.763.531)	(652.595.650)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	92.545.425.719	31.318.828.430
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		241.912.842.193	51.256.881.130
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	193.400.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	55.942.172.059	52.072.358.041
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	11	(7.429.329.866)	(815.476.911)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	2.999.907.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.999.907.597
TỔNG TÀI SẢN	270		1.184.604.575.922	1.193.143.364.732

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		709.025.895.050	651.994.640.783
I. Nợ ngắn hạn	310		699.654.493.031	651.008.849.808
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	658.864.707.942	477.829.704.947
2. Phải trả người bán	312		11.114.235.546	73.344.996.036
3. Người mua trả tiền trước	313		1.433.176.990	5.917.098.898
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.625.703.504	28.142.961.156
5. Phải trả người lao động	315		8.808.286.093	25.671.182.036
6. Chi phí phải trả	316		13.442.679.340	5.015.813.090
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		3.365.703.616	35.087.093.645
II. Nợ dài hạn	330		9.371.402.019	985.790.975
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	963.253.138
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	9.137.270.195	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		234.131.824	22.537.837
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	15	475.578.680.872	541.148.723.949
I. Vốn chủ sở hữu	410		470.234.887.377	532.110.808.247
1. Vốn điều lệ	411		490.640.000.000	482.535.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.564.720	54.564.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.606.381.238	2.606.381.238
4. Cổ phiếu quỹ	414		(23.623.467.366)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.212.762.477	5.212.762.477
6. (Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối	420		(4.655.353.692)	41.702.099.812
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.343.793.495	9.037.915.702
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5.343.793.495	9.037.915.702
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.184.604.575.922	1.193.143.364.732

Nguyễn Hữu Thành**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Đào Văn Đại**Kế toán trưởng**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Từ 29/9/2006	
			2008	đến 31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	2.650.240.296.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(24.179.029.459)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	2.626.061.266.789
4. Giá vốn hàng bán	11		-	(2.428.796.617.229)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	197.264.649.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	82.933.262.218	10.028.889.879
7. Chi phí tài chính	22	17	(93.174.054.933)	(19.744.713.005)
8. Chi phí bán hàng	24		-	(107.514.303.733)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(25.624.730.747)	(30.294.371.448)
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(35.865.523.462)	49.740.151.253
11. Thu nhập khác	31		19.821.942.617	3.524.280.393
12. Chi phí khác	32		(955.931.222)	(979.014.082)
13. Lợi nhuận khác	40	18	18.866.011.395	2.545.266.311
14. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	50		(16.999.512.067)	52.285.417.564
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	-	(157.792.799)
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế	60		(16.999.512.067)	52.127.624.765

Nguyễn Hữu Thành**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Đào Văn Đại**Kế toán trưởng**

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi/lỗ trước thuế	01	(16.999.512.067)	52.285.417.564
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.578.131.624	9.794.432.452
Các khoản dự phòng	03	19.243.121.089	292.234.154
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.989.812.103)	354.326.105
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	7.465.227
Lãi tiền gửi	06	(1.404.595.910)	(5.057.800.765)
Chi phí lãi vay	07	63.179.881.927	18.132.372.257
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	63.607.214.560	75.808.446.994
Tăng các khoản phải thu	09	(306.761.495.636)	(60.293.058.158)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	346.887.169.313	(437.293.470.600)
Giảm các khoản phải trả	11	(148.423.179.631)	(190.455.477.219)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	5.446.557.098	(2.280.025.400)
Tiền lãi vay đã trả	13	(60.678.039.616)	(18.132.372.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(13.028.242)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.539.218.950
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.694.122.207)	(2.947.306.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(103.615.896.119)	(632.067.072.262)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(41.738.953.961)	(25.673.978.998)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định và các tài sản khác	22	970.584.000	-
3. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.770.300.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(24.661.595.651)	(16.518.537.059)
5. Lãi tiền gửi đã thu	27	1.404.595.910	5.057.800.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(59.255.069.702)	(37.134.715.292)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	8.105.000.000	254.728.164.720
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(23.623.467.366)	(27.438.600.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.203.105.027.119	2.135.793.237.176
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.020.080.212.021)	(1.680.067.538.095)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(29.357.941.437)	-
6. Vốn hoàn trả về Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	37	-	(2.998.665.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	138.148.406.295	680.016.597.890
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm/kỳ	50	(24.722.559.526)	10.814.810.336
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	36.157.390.834	25.342.580.498
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	11.434.831.308	36.157.390.834

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: Đồng

Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ:

Tiền dùng mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang 22.661.629.592 đồng (năm 2007: 11.290.410.587 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Tiền dùng mua tài sản cố định 45.120.670.487 đồng là giá trị tài sản cố định đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền chi đầu tư góp vốn vào Công ty khác.

Nguyễn Hữu Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2009

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 15 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Petro Việt Nam hiện đang sở hữu 50.2% vốn điều lệ của Tổng công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49.8% vốn điều lệ còn lại.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại 12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính HP, Lenovo; xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; sản xuất vỏ bình khí và xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty; vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Ghi chú số 3 dưới đây.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4% - 20%
Máy móc thiết bị	14,2% - 20%
Phương tiện vận tải	14,2% - 20%
Dụng cụ quản lý	20% - 25%
Tài sản cố định phúc lợi	0%

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng 22.000 m² đất thuộc khuôn viên Khách sạn Dầu khí Thanh Đa với thời gian sử dụng không xác định và quyền sử dụng 33.042 m² đất tại xã Hố Nai 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai trong 43 năm. Tài sản là quyền sử dụng đất với thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong tám năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

chi phí khác có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ban đầu trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Điều lệ, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	216.550.354	3.028.210.587
Tiền gửi ngân hàng	11.218.280.954	33.129.180.247
	11.434.831.308	36.157.390.834

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phiếu của các công ty niêm yết	17.641.827.882	16.518.537.059
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(12.679.438.000)	-
	4.962.389.882	16.518.537.059

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	-	66.798.130.462
Nguyên liệu, vật liệu	-	764.712.917
Công cụ, dụng cụ	169.789.837	728.021.550
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	522.944.211	4.110.964.021
Hàng hóa	-	408.540.993.114
Hàng gửi đi bán	-	18.220.000
	692.734.048	480.961.042.064
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(169.789.837)	(169.789.837)
	522.944.211	480.791.252.227

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Dụng cụ Quản lý <u>VNĐ</u>	Tài sản cố định phúc lợi <u>VNĐ</u>	Cộng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2008	88.681.214.806	39.982.020.080	11.078.988.586	2.629.584.659	2.018.859.667	144.390.667.798
Tăng trong năm	-	40.892.700	665.806.477	236.746.490	20.603.636	964.049.303
Thanh lý, nhượng bán	(1.858.846.956)	(90.421.638)	-	(11.318.182)	-	(1.960.586.776)
Giảm khác	(49.377.328.050)	(37.526.315.446)	(7.399.245.327)	(1.724.897.706)	(2.018.859.667)	(98.046.646.196)
Tại ngày 31/12/2008	37.445.039.800	2.406.175.696	4.345.549.736	1.130.115.261	20.603.636	45.347.484.129
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2008	46.642.069.467	29.900.869.947	8.307.016.562	1.211.127.087	-	86.061.083.063
Trích khấu hao trong năm	944.050.979	173.787.567	312.267.893	131.964.349	-	1.562.070.788
Giảm do thanh lý	(902.915.734)	(85.251.387)	-	(1.835.655)	-	(990.002.776)
Giảm khác	(22.896.423.155)	(28.246.821.330)	(5.444.530.083)	(659.772.906)	-	(57.247.547.474)
Tại ngày 31/12/2008	23.786.781.557	1.742.584.797	3.174.754.372	681.482.875	-	29.385.603.601
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	13.658.258.243	663.590.899	1.170.795.364	448.632.386	20.603.636	15.961.880.528
Tại ngày 31/12/2007	42.039.145.339	10.081.150.133	2.771.972.024	1.418.457.572	2.018.859.667	58.329.584.735

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 5.559.356.219 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2008	102.646.941.381	612.832.720	103.259.774.101
Tăng trong năm	-	132.006.888	132.006.888
Giảm khác	(4.309.632.000)	(612.832.720)	(4.922.464.720)
Tại ngày 31/12/2008	98.337.309.381	132.006.888	98.469.316.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2008	584.130.353	68.465.297	652.595.650
Trích khấu hao trong năm	-	16.060.836	16.060.836
Giảm khác	(584.130.353)	(16.762.602)	(600.892.955)
Tại ngày 31/12/2008	-	67.763.531	67.763.531
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	98.337.309.381	64.243.357	98.401.552.738
Tại ngày 31/12/2007	102.062.811.028	544.367.423	102.607.178.451

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm/kỳ	31.318.828.430	11.054.829.724
Tăng trong năm/kỳ	63.240.027.362	79.740.779.616
Kết chuyển sang tài sản cố định trong năm/kỳ	-	(51.088.689.666)
Ghi nhận vào chi phí trong năm/kỳ	-	(8.388.091.244)
Giảm khác trong năm	(2.013.430.073)	-
Số dư cuối năm/kỳ	92.545.425.719	31.318.828.430

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Vũng Tàu”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 3 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí biển; Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Distribution”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 4 tháng 2 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Trading”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Sài Gòn” được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 1 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 5 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Quảng Ngãi” được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam – Sông Trà và Chi nhánh Công ty mẹ tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cụ thể như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã góp	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %
Petrosetco Vũng Tàu	22.500.000.000	100	100
Petrosetco Distribution	92.000.000.000	100	100
Petrosetco Trading	39.500.000.000	100	100
Petrosetco Sài Gòn	10.400.000.000	100	100
Petrosetco Quảng Ngãi	29.000.000.000	100	100
	<u>193.400.000.000</u>		

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2008 <u>VND</u>	31/12/2007 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu Khí miền Trung	4.785.733.488	-
Nhà máy sản xuất bình khí	51.156.438.571	52.072.358.041
	<u>55.942.172.059</u>	<u>52.072.358.041</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (“Nhà máy sản xuất bình khí”)	(7.429.329.866)	(815.476.911)
	<u>48.512.842.193</u>	<u>51.256.881.130</u>

Trong năm, Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu Khí miền Trung (gọi tắt là “Công ty Nhiên liệu sinh học”). Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 51%. Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Hội đồng Quản trị Petro Việt Nam đã chấp thuận việc điều chỉnh cơ cấu vốn góp tại Công ty Nhiên liệu sinh học, theo đó tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty giảm từ 51% còn 30%. Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 4.584.637.588 tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty Nhiên liệu sinh học.

Tổng Công ty cùng Tổng Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh để thành lập Nhà máy sản xuất bình khí để sản xuất và kinh doanh vỏ bình khí, trong đó Tổng Công ty là Nhà điều hành và góp 60% vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập cho khoản lỗ lũy kế của hợp đồng hợp tác kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỉ lệ góp vốn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay từ Petro Việt Nam	-	86.451.410.178
Ngân hàng Thương mại Chinatrust	79.227.974.991	9.400.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	25.874.563.431	192.130.881.489
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	153.762.169.520	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	400.000.000.000	189.847.413.280
	658.864.707.942	477.829.704.947

Khoản vay Petro Việt Nam thể hiện số dư khoản thấu chi trên tài khoản trung tâm của Petro Việt Nam tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Khoản thấu chi này chịu lãi với lãi suất tiền vay một năm bằng 4,8%. Vào ngày 22 tháng 4 năm 2008, Công ty đã tắt toàn bộ số dư khoản thấu chi trên tài khoản trung tâm của Petro Việt Nam tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Chinatrust là khoản tín dụng dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng với hạn mức là 6.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với lãi suất tiền vay một năm bằng lãi suất SIBOR cộng 1,75% hoặc lãi suất huy động vốn cộng 1,75%. Thời hạn vay là một năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có hạn mức 280.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản vay này không có đảm bảo và có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam có hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 12 năm 2009. Khoản vay được giải ngân bằng đồng Việt Nam. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất lãi tiền vay một năm là 6,8%.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội được thực hiện dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng có hạn mức là 200.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 20 tháng 9 năm 2009. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ và chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay một năm bằng 13,6% trên số dư nợ vay là đồng Việt Nam hoặc từ 6% đến 7,5% trên số dư nợ vay là đô la Mỹ.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.346.469.162	15.529.377.209
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.486.434	51.193.444
Thuế xuất nhập khẩu	49.130.336	12.058.523.508
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.764.557	144.764.557
Các loại thuế khác	1.067.853.015	359.102.438
	2.625.703.504	28.142.961.156

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 17 tháng 2 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số tiền 41.000.000.000 đồng nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

tối đa là sáu năm và được hoàn trả nửa năm một lần bắt đầu từ năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty đã giải ngân với tổng số tiền là 9.137.270.195 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong năm thứ hai	9.137.270.195	-
Số phải trả sau 12 tháng	9.137.270.195	-

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	55.530.000	55.530.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	49.064.000	48.253.500
Số lượng cổ phiếu được phép mua lại	1.014.970	284.280
Số lượng cổ phiếu được phép bán ra	1.480.970	284.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa lưu hành	-	22.723.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	48.924.963	25.530.000

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Quyết định số 169/UBCK-GCN ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty được phép phát hành 1.276.500 cổ phiếu dùng cho chương trình thu hút nhân tài trong năm, Tổng Công ty đã phát hành 810.500 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu theo chương trình thu hút nhân tài cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tình hình vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 29/9/2006	229.478.645.086	-	-	-	1.192.893.709	8.187.866.014	-	238.859.404.809
Tăng trong kỳ	256.055.020.825	54.564.720	2.606.381.238	27.438.600.000	5.212.762.477	4.355.032.488	52.127.624.765	347.849.986.513
Petro Việt Nam cấp	-	-	-	-	-	1.748.651.250	-	1.748.651.250
Phát hành thêm cổ phiếu	227.235.000.000	-	-	-	-	-	-	227.235.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	52.127.624.765	52.127.624.765
Phân phối quỹ	-	-	2.606.381.238	-	5.212.762.477	2.606.381.238	-	10.425.524.953
Điều chỉnh góp vốn cổ phần	28.820.020.825	-	-	-	-	-	-	28.820.020.825
Bán lại cổ phiếu quỹ	-	54.564.720	-	27.438.600.000	-	-	-	27.493.164.720
Giảm trong kỳ	(2.998.665.911)	-	-	(27.438.600.000)	(1.192.893.709)	(3.504.982.800)	(10.425.524.953)	(45.560.667.373)
Chuyển trả Petro Việt Nam	(2.998.665.911)	-	-	-	-	-	-	(2.998.665.911)
Điều chỉnh vốn góp cổ phần	-	-	-	-	(1.192.893.709)	-	-	(1.192.893.709)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(10.425.524.953)	(10.425.524.953)
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	(27.438.600.000)	-	-	-	(27.438.600.000)
Chi tiêu theo qui định	-	-	-	-	-	(3.504.982.800)	-	(3.504.982.800)
Tại ngày 31/12/2007	482.535.000.000	54.564.720	2.606.381.238	-	5.212.762.477	9.037.915.702	41.702.099.812	541.148.723.949
Tăng trong năm	8.105.000.000	-	-	-	-	-	(16.999.512.067)	(8.894.512.067)
Phát hành thêm cổ phiếu	8.105.000.000	-	-	-	-	-	-	8.105.000.000
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(16.999.512.067)	(16.999.512.067)
Giảm trong năm	-	-	-	(23.623.467.366)	-	(3.694.122.207)	(29.357.941.437)	(56.675.531.010)
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	(23.623.467.366)	-	-	-	(23.623.467.366)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(29.357.941.437)	(29.357.941.437)
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	-	(3.694.122.207)	-	(3.694.122.207)
Tại ngày 31/12/2008	490.640.000.000	54.564.720	2.606.381.238	(23.623.467.366)	5.212.762.477	5.343.793.495	(4.655.353.692)	475.578.680.872

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	80.756.368.115	4.945.695.065
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	4.965.193.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.989.812.103	89.998.140
Doanh thu hoạt động tài chính khác	187.082.000	28.003.074
	82.933.262.218	10.028.889.879

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	59.079.966.166	16.246.499.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.985.320.901	1.824.403.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	444.684.245
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	12.679.438.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	7.429.329.866	815.476.911
Chi phí tài chính khác	-	413.648.331
	93.174.054.933	19.744.713.005

18. LỢI NHUẬN KHÁC

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phí quản lý các công ty con, công ty liên kết	15.555.844.366	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	955.931.222	-
Tiền thu từ các khoản bồi thường	2.814.691.135	-
Khác	495.475.894	3.524.280.393
Thu nhập khác	19.821.942.617	3.524.280.393
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(955.931.222)	-
Khác	-	(979.014.082)
Chi phí khác	(955.931.222)	(979.014.082)
Lợi nhuận khác	18.866.011.395	2.545.266.311

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(16.999.512.067)	52.285.417.564
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.257.291.211)	(3.069.665.605)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập được miễn thuế trong năm/kỳ	-	(48.652.206.247)
Thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ	(19.256.803.278)	563.545.712
Thuế suất	-	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	157.792.799

Tổng công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được miễn 50% trong ba năm tiếp theo. Tổng công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Tổng Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Tổng Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế với số tiền 19.256.803.278 đồng (năm 2007: 0 đồng) vì Tổng Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm/kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu		
Các đơn vị thành viên của PetroViệt Nam	-	63.195.375.233
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	-	171.280.001.454
Vay vốn		
Petro Việt Nam - nhận nợ vay	2.263.359.868.816	1.124.237.235.314
Petro Việt Nam - hoàn trả nợ vay	(2.349.811.278.994)	(733.037.208.962)
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	409.137.270.195	189.847.413.280
	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các nghiệp vụ khác		
Chi trả cổ tức cho Petro Việt Nam	14.765.571.000	-
Petro Việt Nam cấp vốn và quỹ	-	1.748.651.250
Chuyển nộp Petro Việt Nam	-	2.998.665.911
Chi tiền mua lại Công ty Liên doanh Petro Việt Nam - Sông Trà	-	-
		7.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	2008	Từ 29/9/2006 đến 31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương	2.606.845.884	1.469.055.391
Tiền thưởng	2.256.092.554	959.531.749
Các khoản phúc lợi khác	159.200.000	6.000.000
	<u>5.022.138.438</u>	<u>2.434.587.140</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu		
Phải thu từ các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	-	19.457.284.223
Phải thu từ các công ty liên doanh/liên doanh điều hành của Petro Việt Nam	-	8.816.106.776
Phải thu khác		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	4.800.000.000	-
Phải trả		
Phải trả khác PetroViệt Nam	2.612.500.000	-
Phải trả các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	10.917.427.896	14.958.015.447
Các khoản vay		
PetroViệt Nam	-	86.451.410.178
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	409.137.270.195	189.847.413.280

21. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2009.

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí – PetroSetco giải trình về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2008 của Công ty mẹ như sau:

Theo báo cáo kiểm toán báo cáo riêng năm 2008 kết quả kinh doanh của Văn phòng Tổng Công ty (Công ty mẹ) bị lỗ 16.999.512.067 đồng, nguyên nhân do:

- Năm 2008 PetroSetco chuyển đổi mô hình hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, các đơn vị trực thuộc được chuyển thành Công ty TNHH MTV hạch toán độc lập, công ty mẹ không thực hiện kinh doanh và tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý các công con.
- Doanh thu chủ yếu tại công ty mẹ là thu phí quản lý từ các công ty con. Tuy nhiên, phí quản lý chỉ đủ bù đắp một phần chi phí của bộ máy quản lý, đây là một nguyên nhân làm kết quả kinh doanh của Công ty mẹ bị lỗ.

3. Ngoài ra năm 2008 Công ty mẹ thực hiện việc mua cổ phiếu trên sàn HOSE, do thị trường biến động quá lớn nên Công ty mẹ phải thực hiện việc trích dự phòng giảm giá chứng khoán là 12.679.438.000 đồng, đây là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty mẹ bị lỗ.

Theo chuẩn mực kế toán số 25 về hợp nhất báo cáo tài chính thì Công ty mẹ phải hạch toán lợi nhuận thu được từ việc đầu tư vào các công ty con, khi đó kết quả kinh doanh của Công ty mẹ sẽ có lãi.

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí – PetroSetco giải trình về việc chậm nộp báo cáo riêng của Công ty mẹ như sau: do khối lượng công việc của Công ty kiểm toán Deloitte quá lớn nên khi thực hiện kiểm toán tại PetroSetco Công ty kiểm toán và PetroSetco tập trung vào việc hoàn thành báo cáo hợp nhất. Đối với báo cáo của Công ty mẹ, PetroSetco đã yêu cầu phải đảm bảo đúng thời hạn nhưng do khối lượng công việc nhiều nên đến hết tháng 6/2009 công ty kiểm toán mới hoàn thành báo cáo